

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC
PHÚ MỸ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25 /CNPM

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 21 tháng 2 năm 2025

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Thực hiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Cấp nước Phú Mỹ (MCK: PMW) thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) kiểm toán năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. **BCTC kiểm toán năm 2024** theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

- BCTC riêng (Tổ chức không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 BCTC hợp nhất (Tổ chức có công ty con);
 BCTC tổng hợp (Tổ chức có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

2. Các **văn bản giải trình** phải công bố thông tin **đồng thời** cùng với BCTC theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT- BTC gồm:

i) Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (Ý kiến ngoại trừ/ Ý kiến trái ngược/ Từ chối cho ý kiến)?

- Có Không

Văn bản giải trình về ý kiến không chấp nhận toàn phần của tổ chức kiểm toán:

- Có Không

ii) Lợi nhuận sau thuế (LNST) thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

- Có Không

Văn bản giải trình LNST thu nhập doanh nghiệp thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước:

- Có Không

iii) LNST trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán/ bán niên soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại?

- Có Không

Văn bản giải trình LNST chênh lệch trước và sau kiểm toán/ bán niên soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:

- Có Không

iv) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?



Có

Không

Văn bản giải trình Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

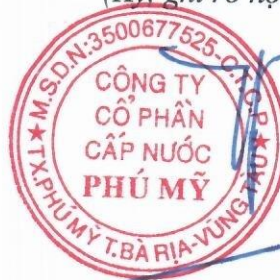
Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày: 21/02/2025 tại đường dẫn: <http://www.pmw.vn/bao-cao/bao-cao-tai-chinh/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Nguyễn Tấn Long



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, KP Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đinh Chí Đức	Chủ tịch
Ông Nguyễn Lương Điền	Thành viên
Ông Phạm Tấn Luận	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên
Ông Đặng Hồng Đăng	Thành viên
Ông Nguyễn Tấn Long	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Tấn Luận	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Cảnh Toàn	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2024)

Ban Kiểm soát

Bà Lê Minh Đức	Trưởng ban
Bà Đinh Thị Quỳnh Trang	Thành viên
Bà Châu Thị Thúy Anh	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Đinh Chí Đức - Chủ tịch Hội đồng Quản trị và ông Phạm Tấn Luận - Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, KP Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Tân Luận
Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 19 tháng 02 năm 2025

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị,



Đinh Chí Đức
Chủ tịch

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 19 tháng 02 năm 2025

Số: 021901/2025/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 19 tháng 02 năm 2025, từ trang 5 đến trang 29 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với Báo cáo kiểm toán đề ngày 11 tháng 03 năm 2024 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Như Phương
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2021-2023-072-1
Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2025



Nguyễn Huy Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2335-2023-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		104,064,162,727	91,587,541,606
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	41,534,307,737	9,329,590,931
1. Tiền	111		3,034,307,737	6,329,590,931
2. Các khoản tương đương tiền	112		38,500,000,000	3,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	30,000,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	30,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		46,623,122,856	41,718,202,791
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	37,402,036,130	36,214,972,960
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	8,767,052,062	5,184,651,296
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	534,537,519	318,578,535
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(80,502,855)	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	13,218,049,334	7,441,556,438
1. Hàng tồn kho	141		13,218,049,334	7,441,556,438
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,688,682,800	3,098,191,446
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,688,682,800	3,098,191,446
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		597,614,214,613	567,845,358,209
I. Tài sản cố định	220		399,206,925,180	407,904,637,835
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	397,847,969,539	406,821,512,873
- Nguyên giá	222		674,493,742,510	643,363,215,588
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(276,645,772,971)	(236,541,702,715)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	1,358,955,641	1,083,124,962
- Nguyên giá	228		3,050,237,176	2,471,198,176
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,691,281,535)	(1,388,073,214)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		83,747,726,788	48,027,018,316
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	83,747,726,788	48,027,018,316
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		102,578,525,900	102,578,525,900
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10	102,578,525,900	102,578,525,900
IV. Tài sản dài hạn khác	260		12,081,036,745	9,335,176,158
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	12,081,036,745	9,335,176,158
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		701,678,377,340	659,432,899,815

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		79.549.280.176	74.289.655.124
I. Nợ ngắn hạn	310		79.549.280.176	74.289.655.124
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	18.185.840.555	15.850.918.877
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.884.275	11.458.060
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	4.205.710.244	2.970.818.270
4. Phải trả người lao động	314		5.224.634.090	3.946.686.022
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	549.843.140	770.929.885
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		121.199.755	113.701.293
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	44.831.718.276	43.067.452.650
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.418.449.841	7.557.690.067
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		622.129.097.164	585.143.244.691
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	622.129.097.164	585.143.244.691
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		499.998.320.000	499.998.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		499.998.320.000	499.998.320.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32.029.950.000	32.029.950.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.508.165.610	15.542.802.610
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		71.592.661.554	37.572.172.081
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		17.572.239.281	15.167.108.568
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		54.020.422.273	22.405.063.513
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		701.678.377.340	659.432.899.815



Trần Tố Liên
Người lập biểu



Vũ Thị Như Trang
Kế toán trưởng



Phạm Tấn Luận
Giám đốc

Ngày 19 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		363.848.260.132	341.753.880.241
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	363.848.260.132	341.753.880.241
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	236.535.673.376	232.631.435.382
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		127.312.586.756	109.122.444.859
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	27.775.220.738	35.275.927.850
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.587.030.155	715.256.554
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.587.030.155	715.256.554
7. Chi phí bán hàng	25	VI.5	16.421.222.004	12.987.884.467
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	28.623.653.878	27.407.443.640
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		108.455.901.457	103.287.788.048
10. Thu nhập khác	31		677.928.876	4.440.618.887
11. Chi phí khác	32		1.787.135.945	1.755.352.914
12. Lợi nhuận khác	40		(1.109.207.069)	2.685.265.973
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		107.346.694.388	105.973.054.021
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	8.499.555.915	8.974.147.200
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		98.847.138.473	96.998.906.821
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.740	1.740
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	1.740	1.740



Trần Tô Liên
Người lập biểu



Vũ Thị Như Trang
Kế toán trưởng



Phạm Tấn Luận
Giám đốc

Ngày 19 tháng 02 năm 2025



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	107.346.694.388	105.973.054.021
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	44.013.830.812	41.067.912.720
Các khoản dự phòng	03	80.502.855	-
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(27.775.220.738)	(35.275.927.850)
Chi phí lãi vay	06	1.587.030.155	715.256.554
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	125.252.837.472	112.480.295.445
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(4.579.694.274)	(3.867.131.078)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(5.776.492.896)	(64.447.043)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	4.262.957.207	(11.322.086.072)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(2.745.860.587)	(3.402.129.932)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.578.080.295)	(683.828.966)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.223.631.573)	(7.622.684.437)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(13.000.694.226)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	93.611.340.828	85.517.987.917
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(71.049.110.440)	(62.802.861.865)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	3.780.000	-
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(28.885.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	30.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27.874.272.792	35.275.927.850
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(13.171.057.648)	(56.411.934.015)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	-	44.800.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	165.065.210.306	101.878.645.150
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(163.300.944.680)	(98.721.585.950)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(49.999.832.000)	(119.999.596.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(48.235.566.374)	(72.042.537.600)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	32.204.716.806	(42.936.483.698)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9.329.590.931	52.266.074.629
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	41.534.307.737	9.329.590.931



Trần Tố Liên
Người lập biểu



Vũ Thị Như Trang
Kế toán trưởng



Phạm Tân Luận
Giám đốc

Ngày 19 tháng 02 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xí nghiệp cấp nước Phú Mỹ thuộc Công ty Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 6023/QĐ.UB ngày 27 tháng 08 năm 2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3500677525 ngày 29 tháng 11 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 1992. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 19 ngày 15 tháng 06 năm 2023.

Vốn điều lệ của Công ty là: 499.998.320.000 đồng (Bốn trăm chín mươi chín tỷ chín trăm chín mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Công ty có trụ sở tại: Số 02 Đường Độc Lập, KP Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước.

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (Chi tiết: Kinh doanh các vật tư, trang thiết bị về ngành nước); và
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác.

6. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 71 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 66 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN TOÁN ÁP DỤNG

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Các khoản đầu tư vào công ty công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	06 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng được cấp trong vòng 15 năm.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 08 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, các chi phí sửa chữa, cải tạo và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty xác định đáp ứng loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa lĩnh vực môi trường theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg, Quyết định số 693/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, phần thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện lĩnh vực xã hội hóa hoạt động cung cấp nước sạch được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	589.552.649	554.684.372
Tiền gửi ngân hàng	2.444.755.088	5.774.906.559
Các khoản tương đương tiền (*)	38.500.000.000	3.000.000.000
Cộng	41.534.307.737	9.329.590.931

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu, lãi suất từ 1,5 - 1,6%/năm.

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Phát triển Quốc tế Formosa	20.917.731.860	15.419.918.783
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO	6.414.378.517	5.828.673.743
Công ty Cổ phần Thanh Bình Phú Mỹ	-	6.210.151.007
Các khoản phải thu khách hàng khác	10.069.925.753	8.756.229.427
Cộng	37.402.036.130	36.214.972.960

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	3.152.618.000	-
Công ty TNHH TM - DV - Đầu tư xây dựng Tuấn Phát	2.093.573.579	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	2.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Thương Mại DV Kỹ thuật D&B	-	1.504.800.000
Các nhà cung cấp khác	1.520.860.483	3.679.851.296
Cộng	8.767.052.062	5.184.651.296
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	5.152.618.000	-

(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự thu lãi tiền gửi	14.775.342	113.827.396
Tạm ứng	333.215.255	-
BHXX phải thu lại nhân viên	65.824.500	56.458.500
Phải thu khác	120.722.422	148.292.639
Cộng	534.537.519	318.578.535

5. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.986.513.966	-	7.441.556.438	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	231.535.368	-	-	-
Cộng	13.218.049.334	-	7.441.556.438	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ									
Số dư đầu năm	62.032.822.571		35.287.343.760		532.691.559.622		13.351.489.635		643.363.215.588
Mua trong năm	-		1.436.519.000		-		775.106.376		2.211.625.376
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.997.831.503		-		28.527.622.278		-		32.525.453.781
Thanh lý, nhượng bán	(1.017.232.595)		(2.589.319.640)		-		-		(3.606.552.235)
Số dư cuối năm	65.013.421.479		34.134.543.120		561.219.181.900		14.126.596.011		674.493.742.510
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ									
Số dư đầu năm	28.399.661.929		19.375.082.882		183.340.914.326		5.426.043.578		236.541.702.715
Khấu hao trong năm	3.381.159.359		2.720.451.914		36.264.122.630		1.344.888.588		43.710.622.491
Thanh lý, nhượng bán	(1.017.232.595)		(2.589.319.640)		-		-		(3.606.552.235)
Số dư cuối năm	30.763.588.693		19.506.215.156		219.605.036.956		6.770.932.166		276.645.772.971
GIÁ TRỊ CÒN LẠI									
Tại ngày đầu năm	33.633.160.642		15.912.260.878		349.350.645.296		7.925.446.057		406.821.512.873
Tại ngày cuối năm	34.249.832.786		14.628.327.964		341.614.144.944		7.355.663.845		397.847.969.539

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 45.046.415.879 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 43.414.563.968 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	180.000.000	2.291.198.176	2.471.198.176
Tăng trong năm	-	579.039.000	579.039.000
Số dư cuối năm	180.000.000	2.870.237.176	3.050.237.176
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	73.000.000	1.315.073.214	1.388.073.214
Khấu hao trong năm	12.000.000	291.208.321	303.208.321
Số dư cuối năm	85.000.000	1.606.281.535	1.691.281.535
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	107.000.000	976.124.962	1.083.124.962
Tại ngày cuối năm	95.000.000	1.263.955.641	1.358.955.641

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.041.198.176 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 708.698.176 đồng)

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Xây dựng các công trình tuyến ống	83.724.821.512	47.991.829.229
Sửa chữa các hệ thống tuyến ống	22.905.276	35.189.087
Cộng	83.747.726.788	48.027.018.316

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí sản xuất	1.152.535.118	1.216.226.190
Chi phí sửa chữa	2.511.459.023	2.613.462.397
Tuyến ống dịch vụ	2.133.251.655	1.578.610.806
Thiết bị quản lý	269.606.741	611.221.631
Công cụ dụng cụ quản lý	1.378.046.228	896.927.882
Chi phí lắp mới đồng hồ	1.235.316.327	921.754.146
Chi phí thay bảo hành đồng hồ	3.400.821.653	1.496.973.106
Cộng	12.081.036.745	9.335.176.158

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸSố 02 Đường Độc Lập, KP Tân Ngọc,
Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Mẫu số B 09- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT**

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Tỷ lệ sở hữu		Tỷ lệ sở hữu			
	Số lượng	Giá gốc	Số lượng	Giá gốc		
	CP	VND	CP	VND	Dự phòng	VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức (i)	11.343.750	82.500.000.000	11.343.750	82.500.000.000		(*)
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu (ii)	5.067.780	20.078.525.900	4.560.638	20.078.525.900		-
Cộng		102.578.525.900		102.578.525.900		-

(i) Ông Nguyễn Lương Điền - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức. Theo đó, Công ty có tỷ lệ quyền biểu quyết nhỏ hơn 20% nhưng vẫn có ảnh hưởng đáng kể với Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức, nên Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức vẫn là Công ty liên kết của Công ty.

(ii) Ông Đinh Chí Đức - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu. Theo đó, Công ty có tỷ lệ quyền biểu quyết nhỏ hơn 20% nhưng vẫn có ảnh hưởng đáng kể với Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu, nên Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu vẫn là Công ty liên kết của Công ty.

(*) Theo thông báo số 22/TB-CN ngày 20/06/2024 về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu, tỷ lệ được chia là 100:11,12 (Người sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 11,12 cổ phiếu mới). Theo đó, số cổ phiếu mới được nhận thêm của Công ty là 507.142 cổ phiếu.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	13.514.062.800	13.514.062.800	14.197.355.550	14.197.355.550
Công ty TNHH Cấp Nước Tóc Tiên	1.249.430.070	1.249.430.070	918.566.250	918.566.250
Phải trả các đối tượng khác	3.422.347.685	3.422.347.685	734.997.077	734.997.077
Cộng	18.185.840.555	18.185.840.555	15.850.918.877	15.850.918.877
Phải trả người bán là các bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)</i>	13.514.062.800	13.514.062.800	14.197.355.550	14.197.355.550

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	18.437.756.607	18.437.756.607	18.437.756.607	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.837.904.881	-	8.499.555.915	8.223.631.573	8.223.631.573	2.113.829.223	2.113.829.223	
Thuế thu nhập cá nhân	410.362.285	-	4.491.606.043	3.592.620.612	3.592.620.612	1.309.347.716	1.309.347.716	
Thuế tài nguyên	249.886.800	-	2.838.079.490	2.842.956.140	2.842.956.140	245.010.150	245.010.150	
Thuế bảo vệ môi trường	472.664.304	-	7.043.922.844	6.979.063.993	6.979.063.993	537.523.155	537.523.155	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước	-	-	3.000.000	3.000.000	3.000.000	-	-	
Cộng	2.970.818.270	41.313.920.899	41.313.920.899	40.079.028.925	40.079.028.925	4.205.710.244	4.205.710.244	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÁN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trích trước chi phí bảo vệ môi trường	71.467.604	80.715.336
Trích trước chi phí lãi vay	40.377.448	31.427.588
Trích trước chi phí tiền điện	275.468.585	272.876.757
Trích trước chi phí phải trả khác	162.529.503	385.910.204
Cộng	549.843.140	770.929.885

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÁN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (i)	43.067.452.650	43.067.452.650	102.127.955.780	125.238.669.130	19.956.739.300	19.956.739.300
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ (ii)	-	-	62.937.254.526	38.062.275.550	24.874.978.976	24.874.978.976
Cộng	43.067.452.650	43.067.452.650	165.065.210.306	163.300.944.680	44.831.718.276	44.831.718.276

(i) Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024-HDCVHM/PMWA ngày 22 tháng 02 năm 2024 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, hạn mức cấp tín dụng là 50 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Công ty vay vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm hoạt động đầu tư tài sản cố định, lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(ii) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/611439/HĐTD ngày 14 tháng 06 năm 2024 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, hạn mức cấp tín dụng là 35 tỷ đồng, thời hạn của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nhưng không vượt quá ngày 15 tháng 05 năm 2025. Công ty vay vốn để bổ sung vốn lưu động, mở L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸSố 02 Đường Độc Lập, KP Tân Ngọc,
Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****15. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quý đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	469.998.320.000	17.229.950.000	12.623.993.610	75.166.906.968	575.019.170.578				
Tăng vốn trong năm trước (iii)	30.000.000.000	15.000.000.000	-	-	45.000.000.000				
Lãi trong năm	-	-	-	96.998.906.821	96.998.906.821				
Chia cổ tức còn lại năm 2022	-	-	-	(59.999.798.400)	(59.999.798.400)				
Tạm chia cổ tức năm 2023	-	-	-	(59.999.798.400)	(59.999.798.400)				
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.918.809.000	(2.918.809.000)	-				
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(11.675.235.908)	(11.675.235.908)				
Giảm khác	-	(200.000.000)	-	-	(200.000.000)				
Số dư đầu kỳ này	499.998.320.000	32.029.950.000	15.542.802.610	37.572.172.081	585.143.244.691				
Lãi trong năm	-	-	-	98.847.138.473	98.847.138.473				
Trích Quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	2.965.363.000	(2.965.363.000)	-				
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(11.861.454.000)	(11.861.454.000)				
Chia cổ tức còn lại năm 2023 (ii)	-	-	-	(19.999.932.800)	(19.999.932.800)				
Tạm chia cổ tức năm 2024 (ii)	-	-	-	(29.999.899.200)	(29.999.899.200)				
Số dư cuối kỳ này	499.998.320.000	32.029.950.000	18.508.165.610	71.592.661.554	622.129.097.164				

(i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo kế hoạch của Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 05 tháng 04 năm 2024, cụ thể kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

- Trích quỹ Đầu tư phát triển tương ứng 3% lợi nhuận sau thuế.
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tương ứng 12% lợi nhuận sau thuế.
- Chia cổ tức với số tiền tối thiểu 15% vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

(ii) Thanh toán cổ tức năm 2023 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 theo Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 06 năm 2024. Mức chi cổ tức: 10% (1.000 đồng/cổ phần) ngày đăng ký cuối cùng là 01 tháng 07 năm 2024 và thời gian thực hiện chi trả cổ tức là ngày 18 tháng 07 năm 2024, trong đó:

- Thanh toán cổ tức còn lại năm 2023 với mức chi 4% tương ứng 19.999.932.800 đồng.
- Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 với mức chi 6% tương ứng 29.999.899.200 đồng.

(iii) Tình hình sử dụng vốn thực hiện dự án từ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ
- Mã cổ phiếu: PMW
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá chào bán: 15.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 3.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã phân phối: 3.000.000 cổ phiếu
- Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 45.000.000.000 đồng

Theo công văn số 2457/UBCK-QLCB ngày 09/05/2023 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã chấp nhận kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo báo cáo kết quả số 01/BCKQ-PHRL ngày 27/04/2023 của CTCP Cấp nước Phú Mỹ.

Mục đích sử dụng vốn: bổ sung nhu cầu vốn thực tế cho dự án đầu tư xây dựng công trình "Tuyến ống truyền tải nước sạch D600 đường quy hoạch S - Thị xã Phú Mỹ - tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu".

Tại ngày 31/12/2024, tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành như sau:

- Lũy kế số tiền đã giải ngân đến ngày 31/12/2024: 45.000.000.000 đồng
- Mục đích giải ngân:
 - Chi mua vật tư công trình: 36.019.028.800 đồng
 - Thanh toán chi phí nhà thầu thi công công trình: 8.887.826.600 đồng
 - Chi phí kiểm toán: 93.144.600 đồng
 - Số tiền còn lại chưa giải ngân: 0 đồng

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %	VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	40,48%	202.377.190.000	40,48%	202.377.190.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	16,69%	83.460.640.000	16,69%	83.460.640.000
Các cổ đông khác	42,83%	214.160.490.000	42,83%	214.160.490.000
Cộng	100%	499.998.320.000	100%	499.998.320.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	49.999.832	49.999.832
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	49.999.832	49.999.832
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	49.999.832	49.999.832
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49.999.832	49.999.832
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	49.999.832	49.999.832
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

16. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Doanh thu từ hoạt động thi công lắp đặt, cung cấp vật tư ngành nước chiếm tỷ trọng nhỏ (xem chi tiết tại thuyết minh số VI.1 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ). Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh trong địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	363.848.260.132	341.753.880.241
Doanh thu thành phẩm nước	362.614.580.958	340.900.485.435
Doanh thu thi công lắp đặt	1.152.348.774	663.265.614
Doanh thu cung cấp vật tư ngành nước	81.330.400	190.129.192
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng	363.848.260.132	341.753.880.241

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn thành phẩm nước	235.211.710.485	231.625.491.008
Giá vốn thi công lắp đặt	1.224.330.195	687.573.062
Giá vốn cung cấp vật tư ngành nước	99.632.696	318.371.312
Cộng	236.535.673.376	232.631.435.382

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	527.082.738	2.098.960.450
Cổ tức, lợi nhuận được chia	27.248.138.000	33.176.967.400
Cộng	27.775.220.738	35.275.927.850

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	1.587.030.155	715.256.554
Cộng	1.587.030.155	715.256.554

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	6.010.016.816	5.425.262.081
Chi phí lắp mới đồng hồ nước cho khách hàng	1.481.512.550	550.022.272
Chi phí lắp mới tuyến ống dịch vụ	1.022.127.993	1.372.316.555
Chi phí bảo trì, sửa chữa, di dời	3.132.560.879	3.138.190.191
Chi phí bảo hành đồng hồ nước	2.188.731.123	240.734.945
Chi phí dịch vụ mua ngoài	927.731.675	1.148.174.341
Chi phí bằng tiền khác	1.658.540.968	1.113.184.082
Cộng	16.421.222.004	12.987.884.467

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	17.217.258.096	17.068.223.659
Chi phí vật liệu quản lý	121.241.048	187.209.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	846.593.869	815.308.958
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.549.391.690	1.276.472.703
Thuế, phí, lệ phí	108.032.664	109.500.633
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.523.174.972	5.175.857.616
Chi phí khác bằng tiền	3.257.961.539	2.774.871.071
Cộng	28.623.653.878	27.407.443.640

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	107.346.694.388	105.973.054.021
Trong đó:		
- Lợi nhuận từ bán nước sạch	80.923.695.483	68.265.281.081
- Lợi nhuận từ hoạt động khác	26.422.998.905	37.707.772.940
Các khoản điều chỉnh tăng	1.777.259.878	2.515.212.898
- Chi phí khấu hao xe ô tô vượt mức quy định	422.414.720	422.414.720
- Tiền phạt VPHC, truy thu thuế	-	1.015.769.753
- Chi phí không được trừ khác (hoạt động sản xuất kinh doanh)	238.709.213	11.563.778
- Chi phí không được trừ khác (hoạt động khác)	1.116.135.945	1.065.464.647
Các khoản điều chỉnh giảm	(27.248.138.000)	(33.176.967.400)
- Cổ tức, lợi nhuận từ Công ty con, Công ty liên kết	(27.248.138.000)	(33.176.967.400)
Thu nhập tính thuế	81.875.816.266	75.311.299.519
Thu nhập tính thuế từ bán nước sạch	81.584.819.416	69.715.029.332
Thu nhập tính thuế từ hoạt động khác	290.996.850	5.596.270.187
Thuế suất		
Thuế suất đối với hoạt động xã hội hóa	10%	10%
Thuế suất hoạt động thông thường khác	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.216.681.314	8.090.756.972
Truy thu thuế TNDN các năm trước	282.874.601	883.390.228
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.499.555.915	8.974.147.200

8. LÃI CƠ BẢN/SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	98.847.138.473	96.998.906.821
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(11.861.454.000)	(11.675.235.908)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	86.985.684.473	85.323.670.913
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	49.999.832	49.038.188
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.740	1.740

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	186.752.739.951	184.522.800.822
Chi phí nhân công	31.513.132.753	29.610.691.544
Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.013.830.812	41.083.039.993
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.273.255.962	10.330.908.225
Chi phí khác bằng tiền	8.796.054.412	7.369.822.272
Cộng	281.349.013.890	272.917.262.856

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	Cổ đông lớn đồng thời là Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	Cổ đông lớn đồng thời là Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nước, Môi trường và Hạ tầng Kỹ thuật Sài Gòn	Công ty có liên quan với người điều hành

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Mua hàng	173.244.848.602	192.633.073.379
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	171.817.070.824	185.724.461.571
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	64.814.815	6.908.611.808
Công ty Cổ phần Nước, Môi trường và Hạ tầng Kỹ thuật Sài Gòn	1.362.962.963	-
Cổ tức được chia	27.248.138.000	33.176.967.400
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	22.687.500.000	22.687.500.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	4.560.638.000	10.489.467.400
Cổ tức phải trả	28.583.783.000	68.523.079.200
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	20.237.719.000	48.492.525.600
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	8.346.064.000	20.030.553.600

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trả trước cho người bán	5.152.618.000	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	3.152.618.000	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	2.000.000.000	-
Phải trả người bán	13.514.062.800	14.197.355.550
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	13.514.062.800	14.197.355.550

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, KP Tân Ngọc,

Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)***Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác được hưởng trong năm như sau:*

Họ tên Năm nay	Chức vụ	Lương VND	Thưởng VND	Thù lao VND	Cộng VND
Ông Đinh Chí Đức	Chủ tịch HĐQT	-	290.000.000	160.000.000	450.000.000
Ông Nguyễn Lương Điền	Thành viên HĐQT	-	250.000.000	120.000.000	370.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên HĐQT	-	230.000.000	120.000.000	350.000.000
Ông Đặng Hồng Đăng	Thành viên HĐQT	732.768.900	420.800.000	120.000.000	1.273.568.900
Ông Nguyễn Tấn Long	Thành viên HĐQT	673.611.922	408.800.000	120.000.000	1.202.411.922
Ông Phạm Tấn Luận	Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	1.008.262.800	513.200.000	120.000.000	1.641.462.800
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	944.687.300	473.800.000	120.000.000	1.538.487.300
Ông Nguyễn Cảnh Toàn	Phó Giám đốc	42.130.000	-	-	42.130.000
Bà Lê Minh Đức	Trưởng BKS	-	210.000.000	120.000.000	330.000.000
Bà Đinh Thị Quỳnh Trang	Thành viên BKS	-	200.000.000	80.000.000	280.000.000
Bà Châu Thị Thúy Anh	Thành viên BKS	588.867.800	359.600.000	80.000.000	1.028.467.800
Bà Vũ Thị Như Trang	Kế toán trưởng kiêm Người PTQT	673.635.200	378.800.000	80.000.000	1.132.435.200
Cộng		4.663.963.922	3.735.000.000	1.240.000.000	9.638.963.922
Năm trước					
Ông Đinh Chí Đức	Chủ tịch HĐQT	-	250.000.000	160.000.000	410.000.000
Ông Nguyễn Lương Điền	Thành viên HĐQT	-	210.000.000	120.000.000	330.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên HĐQT	-	210.000.000	120.000.000	330.000.000
Ông Đặng Hồng Đăng	Thành viên HĐQT	718.576.000	349.200.000	120.000.000	1.187.776.000
Ông Nguyễn Tấn Long	Thành viên HĐQT	704.490.000	322.000.000	100.000.000	1.126.490.000
Ông Phạm Tấn Luận	Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	1.056.735.000	416.000.000	120.000.000	1.592.735.000
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	986.286.000	385.200.000	120.000.000	1.491.486.000
Bà Lê Minh Đức	Trưởng BKS	-	190.000.000	120.000.000	310.000.000
Bà Đinh Thị Quỳnh Trang	Thành viên BKS	-	180.000.000	80.000.000	260.000.000
Bà Châu Thị Thúy Anh	Thành viên BKS	441.071.100	133.400.000	60.000.000	634.471.100
Bà Vũ Thị Như Trang	Kế toán trưởng kiêm Người PTQT	635.582.700	329.600.000	100.000.000	1.065.182.700
Cộng		4.542.740.800	2.975.400.000	1.220.000.000	8.738.140.800



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty ký hợp đồng với Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo hợp đồng thuê đất số 87/HĐTĐ ngày 21 tháng 11 năm 2007 tại xã Mỹ Xuân, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành để sử dụng vào mục đích đầu tư nhà máy xử lý nước và trạm bơm giếng trong 50 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2005. Diện tích khu đất thuê là 5.858 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Tuy nhiên, đất thuê thuộc đất xây dựng công trình cấp nước nên được miễn tiền thuê đất, tiền thuê mặt nước cho cả thời hạn thuê.

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo bản án phúc thẩm số 01/2025/KDTM-PT ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Tòa án Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ quyết định:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ đối với Công ty TNHH Phát triển Quốc tế Formosa về "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ cấp nước". Buộc Công ty TNHH Phát triển Quốc tế Formosa thanh toán cho Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ số tiền nợ tính từ tháng 01/2024 đến ngày 22/7/2024 là 20.917.731.860 đồng (Hai mươi tỷ, chín trăm mười bảy triệu, bảy trăm ba mươi một nghìn tám trăm sáu mươi đồng).
- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Phát triển Quốc tế Formosa phải chịu số tiền 128.917.731 đồng (một trăm hai mươi tám triệu, chín trăm mười bảy nghìn, bảy trăm ba mươi một đồng). Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ không phải chịu và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 128.917.731 đồng (một trăm hai mươi tám triệu, chín trăm mười bảy nghìn, bảy trăm ba mươi một đồng) theo biên lai thu tiền số 0003395 ngày 02/7/2024 và biên lai thu tiền số 0003823 ngày 29/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH Phát triển Quốc tế Formosa phải chịu số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003872 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công ty TNHH Phát triển Quốc tế Formosa đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Số dư Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ phải thu Công ty TNHH Phát triển Quốc tế Formosa tại ngày 31/12/2024 là 20.917.731.860 đồng (chi tiết tại thuyết minh số V.2).

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số chỉ tiêu của Báo cáo tài chính năm trước được trình bày lại để phù hợp với bản chất kinh tế của nghiệp vụ phát sinh, chi tiết như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	Số đầu năm (trước điều chỉnh)	Phân loại lại	Số đầu năm (sau điều chỉnh)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	-	102.578.525.900	102.578.525.900
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	102.578.525.900	(102.578.525.900)	-

Trần Tô Liên
Người lập biểu

Vũ Thị Như Trang
Kế toán trưởng



Phạm Tân Luận
Giám đốc

Ngày 19 tháng 02 năm 2025